

CHÍNH PHỦ
Số: 161/2003/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2003

NGHỊ ĐỊNH

Về quy chế khu vực biên giới biển

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

- Nghị định này quy định hoạt động của người, tàu thuyền của Việt Nam, nước ngoài trong khu vực biên giới biển nhằm quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển; duy trì an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển.
- Việc đầu tư xây dựng khu vực biên giới biển vững mạnh về mọi mặt, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng công trình quản lý, bảo vệ biển, điều chỉnh dân cư trong khu vực biên giới biển có văn bản hướng dẫn thực hiện riêng.
- Tàu thuyền của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có quy định riêng.
- Tàu thuyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ và tàu thuyền quân sự nước ngoài vào thăm nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện theo pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.
- Người, tàu thuyền; hàng hoá nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu bằng đường hàng hải thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

6. Chế độ pháp lý, quy chế quản lý và bảo vệ vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quy định riêng phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 2.

1. Khu vực biên giới biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính các xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo. Danh sách các xã, phường, thị trấn giáp biển và các xã thuộc các đảo có Phụ lục kèm theo.

2. Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Điều 3. Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. "Người Việt Nam" là người có quốc tịch Việt Nam.
2. "Người nước ngoài" là người không có quốc tịch Việt Nam.
3. "Hoạt động" của người, tàu thuyền của Việt Nam và nước ngoài trong khu vực biên giới biển là việc ra, vào, trú đậu, đi lại, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên hoặc không thiên nhiên; nghiên cứu khoa học biển; nuôi trồng, thu mua và chế biến thủy sản; giao thông vận tải; môi trường và các hoạt động khác.
4. "Tàu thuyền" là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

Điều 4. Người, tàu thuyền của Việt Nam và nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển tuân theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 5. Người, tàu thuyền của Việt Nam và nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có đầy đủ giấy tờ, trang bị đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật; hoạt động đúng mục đích, phạm vi, thời gian cho phép, đi đúng luồng,

tuyển và phải chịu sự giám sát, kiểm tra, kiểm soát, xử lý của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Điều 6.

1. Trong khu vực biên giới biển được xác lập vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động.

a) Vùng cấm được xác định để bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Bộ Quốc phòng quy định thời hạn, phạm vi cụ thể đối với vùng cấm và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Khu vực hạn chế hoạt động được xác lập vì lý do môi trường, trục vớt, tìm kiếm cứu nạn hoặc diễn tập quân sự.

Khu vực hạn chế hoạt động do Bộ, ngành chủ quản xác định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố sở tại quyết định; đồng thời thông báo cho Bộ Quốc phòng.

c) Quyết định vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động phải được thông báo cho chính quyền địa phương sở tại, Cục Hàng hải Việt Nam và các đối tượng có liên quan biết để thực hiện.

2. Phạm vi vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động phải được xác định bằng biển báo (trên bộ) hoặc đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ (trên biển).

Điều 7. Khu du lịch, dịch vụ, thương mại, các khu kinh tế liên doanh với nước ngoài trong khu vực biên giới biển thực hiện theo quy định của Chính phủ đối với khu vực đó. Nếu các hoạt động đó có liên quan đến biên giới quốc gia, vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động trong khu vực biên giới biển thì thực hiện theo quy định của Luật Biên giới quốc gia và Nghị định này.

Điều 8.

1. Khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa môi trường (gọi tắt là tai nạn) trong khu vực biên giới biển, người phát hiện phải kịp thời phát tín hiệu cấp cứu theo quy định và trong khả năng có thể tiến hành ngay các biện pháp để cứu người, tài sản và hạn chế tổn thất.

2. Người hoạt động trong khu vực biên giới biển khi nhận được thông báo, tín hiệu cấp cứu hoặc phát hiện người, tàu thuyền bị nạn, phải nhanh chóng tổ chức cứu nạn và thông báo ngay cho các lực lượng đang hoạt động trên biển gần nhất, chính

quyền địa phương hoặc Đoàn biên phòng hoặc thông báo cho Trung tâm phối hợp Tìm kiếm - Cứu nạn hàng hải nơi gần nhất biết để tổ chức cứu hộ, cứu nạn.

3. Mọi người phải tuân theo lệnh huy động, chỉ huy, điều hành của người, cơ quan có thẩm quyền trong khu vực biên giới biển để tham gia hoạt động cứu người, tài sản và khắc phục hậu quả xảy ra.

4. Người tham gia hoạt động để cứu người, tài sản và hạn chế tổn thất nếu bị hy sinh, bị tổn hại sức khỏe, bị thiệt hại về tài sản thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển là trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang, chính quyền địa phương và mọi công dân.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI, TÀU THUYỀN CỦA VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI BIỂN

Điều 10. Người, tàu thuyền của Việt Nam hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có các giấy tờ sau:

1. Đối với người:

- a) Giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền cấp (chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ do công an xã, phường, thị trấn nơi cư trú cấp);
- b) Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, sổ thuyền viên theo quy định của pháp luật;
- c) Giấy phép sử dụng vũ khí (nếu có);

2. Đối với tàu thuyền:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền;
- b) Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật theo quy định;
- c) Biển số đăng ký theo quy định;
- d) Sổ danh bạ thuyền viên;
- đ) Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện;
- e) Giấy tờ liên quan đến hàng hoá trên tàu thuyền.

3. Ngoài các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, người, tàu thuyền hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có các giấy tờ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Việc diễn tập quân sự, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, tổ chức bắn đạn thật hoặc sử dụng vật liệu nổ trong khu vực biên giới biển thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thông báo cho đối tượng liên quan biết, đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh sở tại, Cục Hàng hải Việt Nam biết ít nhất 05 ngày trước khi tiến hành.

Điều 12. Người, tàu thuyền làm nhiệm vụ thăm dò, nghiên cứu khoa học, khảo sát về địa chất, khoáng sản trong khu vực biên giới biển, ngoài các giấy tờ quy định tại Điều 10 của Nghị định này phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, phải thông báo cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi có biên giới biển biết ít nhất 02 ngày trước khi thực hiện nhiệm vụ.

Chương III

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI, TÀU THUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI BIỂN

Điều 13. Người, tàu thuyền của nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển phải có các giấy tờ sau:

1. Đối với người:

- a) Hộ chiếu hợp lệ hoặc giấy tờ có giá trị tương đương thay hộ chiếu;
- b) Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Đối với tàu thuyền:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền;
- b) Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật theo quy định;
- c) Danh sách thuyền viên, nhân viên phục vụ và hành khách trên tàu;
- d) Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện;
- đ) Giấy tờ liên quan đến hàng hoá vận chuyển trên tàu thuyền và các giấy tờ khác có liên quan do pháp luật Việt Nam quy định cho từng loại tàu thuyền và lĩnh vực hoạt động (trừ trường hợp quy định tại Điều 18 của Nghị định này).